

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong Quý III và IV năm 2024

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại điểm c Mục 3 Phần IV Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân” (Đề án 977), Công văn số 2149/BTP-PBGDPL ngày 30/5/2023 của Bộ Tư pháp về việc đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án 977 và khoản 6.2 Mục II Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 10/04/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án 977 trên địa bàn tỉnh năm 2024, Sở Tư pháp thông cáo báo chí các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong Quý III và IV năm 2024 như sau:

I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

1. Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành

Trong Quý III và IV năm 2024, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật như sau:

- Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 12/07/2024 của HĐND tỉnh quy định mức thu học phí từ năm học 2024-2025 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 12/07/2024 của HĐND tỉnh về bãi bỏ một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/07/2024 của HĐND tỉnh về đặt tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thị xã Buôn Hồ, đợt 3.
- Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 12/07/2024 của HĐND tỉnh Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo tỉnh Đắk Lắk từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

5. Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/07/2024 của HĐND tỉnh quy định mức chi đảm bảo cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

6. Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 12/07/2024 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

7. Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 12/07/2024 của HĐND tỉnh quy định mức chi cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

8. Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 12/07/2024 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường cho các cấp ngân sách tỉnh thuộc tỉnh Đắk Lắk.

9. Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 12/07/2024 của HĐND tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

10. Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn và huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

11. Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND tỉnh về việc quy định hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho một số nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

12. Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng, tiếp nhận vào công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; xét chuyển ngạch thanh tra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

13. Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2012-2030 giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

14. Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ thêm đối với cán bộ, công chức cấp xã; viên chức,

người lao động, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh.

15. Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh ban hành quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

16. Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

17. Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh về việc kéo dài thời gian áp dụng bảng giá các loại đất tại Nghị quyết số 01/2020/Q-HĐND ngày 22/5/2020 và Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh.

18. Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh ban hành quy định thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

19. Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

20. Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh về việc đặt tên đường trên địa bàn thị trấn Pong Drang huyện Krông Búk.

21. Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao trong nước và quốc tế.

22. Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

23. Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh quy định về thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

24. Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh thông qua cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk từ năm học 2025-2026.

25. Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND tỉnh quy

định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

26. Nghị quyết số 32/2024/NQ-HĐND ngày 31/12/2024 của HĐND tỉnh quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk quản lý.

27. Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 31/12/2024 của HĐND tỉnh quy định mức chi cho tổ chức dịch vụ thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành

Trong Quý III và IV năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật như sau:

1. Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 24/6/2024 của UBND tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 44/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

4. Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của UBND tỉnh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 27/8/2024 của UBND tỉnh quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã và ngành đào tạo của công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

6. Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

7. Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Thanh tra tỉnh.

8. Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp

tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh.

9. Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk.

10. Quyết định số 35/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

11. Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

12. Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định về trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh.

13. Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan có chức năng quản lý Nhà nước trong công tác quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự hoạt động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

14. Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 16/10/2024 của UBND tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, buôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

15. Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 17/10/2024 của UBND tỉnh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk.

16. Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định hạn mức một số loại đất; giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

17. Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

18. Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND tỉnh quy định điều kiện về đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi cá nhân xây dựng nhà ở từ 02 tầng trở lên và có quy mô dưới 20 căn hộ mà tại mỗi tầng có thiết kế, xây dựng căn hộ để cho thuê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

19. Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh quy định hạn mức giao đất tôn giáo cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

20. Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định có Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện các chính sách về bảo tồn voi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

21. Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

22. Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh quy định diện tích đất nông nghiệp sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

23. Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của UBND tỉnh bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

24. Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của UBND tỉnh quy định tiêu chí đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại phải thực hiện để xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

25. Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của UBND tỉnh phê duyệt mức chi hỗ trợ công tác phòng, chống số đề, làm vé số giả của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xổ số kiến thiết Đắk Lắk.

26. Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 của UBND tỉnh ban hành khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

27. Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của UBND tỉnh quy định việc phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận và cơ quan quản lý nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

28. Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND ngày 27/11/2024 của UBND tỉnh quy định khung giá cho thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

29. Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND ngày 03/12/2024 của UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

30. Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của UBND tỉnh quy định số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung; tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

31. Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh quy định Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

32. Quyết định số 57/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh về việc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

33. Quyết định số 58/2024/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của ủy ban nhân dân tỉnh.

34. Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND tỉnh về việc kéo dài thời hạn áp dụng các Quyết định về Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

35. Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND - 23/12/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

36. Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật của các dự án khu dân cư, khu đô thị, dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

37. Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma thuật” đối với sản phẩm cà phê Robusta.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành

1.1. Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 12/07/2024 của HĐND tỉnh quy định mức thu học phí từ năm học 2024-2025 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 22/7/2024.

b) Nội dung chủ yếu: Nghị quyết này quy định mức thu học phí từ năm học 2024- 2025 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (trừ cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trực thuộc các Bộ, ngành Trung ương quản lý đóng trên địa bàn tỉnh), gồm 04 điều:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

- Điều 2: Quy định mức thu học phí từ năm học 2024-2025 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Điều 3. Tổ chức thực hiện.

- Điều 4. Hiệu lực thi hành.

Từ năm học 2025-2026 trở đi mức thu học phí năm học 2024 – 2025 tại Nghị quyết này được áp dụng cho đến khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc thay thế.

Tại Nghị quyết này, khu vực III: Bao gồm các xã khu vực III tại Quyết định số 861/QĐ-TTg và các thôn, buôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND; khu vực II: Bao gồm các xã, thị trấn khu vực II theo Quyết định số 861/QĐ-TTg (trừ các thôn đặc biệt khó khăn); khu vực I: Các khu vực còn lại.

Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đóng tại xã, phường, thị trấn không có trong danh sách các khu vực theo Quyết định số 861/QĐ-TTg thì mức thu học phí áp dụng bằng mức thu học phí tại cơ sở giáo dục ở khu vực I.

Trường hợp học trực tuyến (học online) mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục phổ thông công lập bằng 60% mức thu học phí quy định nêu trên.

Các quy định khác không nêu trong Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định hiện hành.

1.2. Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 12/07/2024 của HĐND tỉnh về bãi bỏ một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 22/7/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này bãi bỏ toàn bộ 15 nghị quyết sau:

1. Nghị quyết số 113/2014/NQ-HĐND ngày 17/4/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

2. Nghị quyết số 118/2014/NQ-HĐND ngày 18/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

3. Nghị quyết số 126/2014/NQ-HĐND ngày 18/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung quy hoạch mạng lưới giáo dục đại học tại điểm d khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 94/2013/NQ-HĐND ngày 19/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011 - 2020, định hướng đến năm 2025.

4. Nghị quyết số 137/2014/NQ-HĐND ngày 13/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

5. Nghị quyết số 140/2014/NQ-HĐND ngày 13/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

6. Nghị quyết số 153/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phát triển thủy lợi trong vùng cà phê bền vững tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2025.

7. Nghị quyết số 155/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy hoạch xây dựng vùng biên giới tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

8. Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 59/2012/NQ-HĐND ngày 06/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

9. Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 27/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 113/2014/NQ-HĐND ngày 17/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

10. Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Nghị quyết số 33/2008/NQ-HĐND ngày 19/12/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh giai đoạn 2009 - 2020, Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh giai đoạn 2009 - 2015.

11. Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

12. Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và bổ sung Danh mục dự án kêu gọi đầu tư phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh.

13. Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi, thời gian hưởng hỗ trợ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

14. Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khung hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

15. Nghị quyết số 157/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc khen thưởng Huy hiệu “Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Đắk Lắk”.

Bên cạnh đó, bãi bỏ một phần các nghị quyết sau đây:

1. Các điểm 1, điểm 4, điểm 5, điểm 6 khoản I; khoản II Điều 1; Điều 2; Điều 3 Nghị quyết số 33/2008/NQ-HĐND ngày 19/12/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh giai đoạn 2009 - 2020, Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh giai đoạn 2009 - 2015.

Văn bản hết hiệu lực toàn bộ sau bãi bỏ.

2. Khoản 1, khoản 2, điểm a, điểm e, tiết g2, g3 điểm g khoản 3; điểm a khoản 4; khoản 5 Điều 1; Điều 2; Điều 3 Nghị quyết số 59/2012/NQ-HĐND ngày 06/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

Văn bản hết hiệu lực toàn bộ sau bãi bỏ.

3. Khoản 1, khoản 2, điểm a, điểm b, điểm c, gạch đầu dòng thứ nhất, gạch đầu dòng thứ hai điểm d khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 1; Điều 2; Điều 3 Nghị quyết số 94/2013/NQ-HĐND ngày 19/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011 - 2020, định hướng đến năm 2025.

Văn bản hết hiệu lực toàn bộ sau bãi bỏ.

1.3. Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/07/2024 của HĐND tỉnh về đặt tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thị xã Buôn Hồ, đợt 3.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 22/7/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này đặt tên 213 tuyến đường, 02 công trình công cộng trên địa bàn thị xã Buôn Hồ.

1.4. Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 12/07/2024 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo tỉnh Đắk Lắk từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 22/7/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo tỉnh Đắk Lắk từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau: “2. Các nội dung có liên quan đến hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo tỉnh Đắk Lắk từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình không quy định trong Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và các văn bản pháp luật có liên quan.”

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau: “1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, đang cư trú trên địa bàn các huyện M’Đrăk, Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.”

- Sửa đổi, bổ sung tại đoạn đầu khoản 1 Điều 4 như sau: “1. Mức hỗ trợ:

Ngoài mức hỗ trợ từ ngân sách Trung ương; các hộ nghèo, hộ cận nghèo thường trú trên địa bàn các huyện M’Đrăk, Ea Súp được hỗ trợ xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở với mức như sau:”

1.5. Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/07/2024 của HĐND tỉnh quy định mức chi đảm bảo cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 22/7/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này quy định mức chi đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, gồm 05 điều:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

- Điều 2. Mức chi đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận và hòa giải ở cơ sở.

- Điều 3. Kinh phí thực hiện.
- Điều 4. Tổ chức thực hiện.
- Điều 5. Điều khoản thi hành.

Các nội dung liên quan đến mức chi đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở không được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan;

Các chương trình, đề án, kế hoạch về phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại văn bản hướng dẫn đó; trường hợp không có quy định riêng thì thực hiện theo Nghị quyết này và Thông tư số 56/2023/TT-BTC.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 122/2014/NQ-HĐND ngày 18/7/2014 quy định về mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Nghị quyết số 142/2014/NQ-HĐND ngày 13/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

1.6. Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 12/07/2024 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 22/7/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, gồm:

- Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 1;
- Sửa đổi khoản 1 và bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 2;
- Sửa đổi, bổ sung nội dung điểm g khoản 2 Điều 3;
- Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 6;

Đồng thời, bãi bỏ Điều 4 (Mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở nước ngoài) và Điều 5 (Mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức) của Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND.

1.7. Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 12/07/2024 của HĐND tỉnh quy định mức chi cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 22/7/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này quy định mức chi cho công tác thỏa thuận quốc tế theo quy định của Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, gồm:

- Mức chi cho các nội dung chi đã có văn bản quy định chế độ, định mức chi tiêu, gồm:

+ Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, công tác phí trong nước.

+ Chi rà soát, đánh giá sự phù hợp của thỏa thuận quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP 2021 ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế; chi tổ chức rà soát, đối chiếu văn bản thỏa thuận quốc tế được ký trong chuyến thăm của các đoàn lãnh đạo cấp cao nước ngoài tại Việt Nam hoặc chuyến thăm của đoàn lãnh đạo cấp cao Việt Nam tại nước ngoài theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP.

+ Chi dịch thuật; chi đón các đoàn nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam.

+ Chi tuyên truyền, phổ biến thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Nghị định 65/2021/NĐ-CP.

- Một số mức chi có tính chất đặc thù phục vụ công tác thỏa thuận quốc tế, gồm:

+ Xây dựng hồ sơ trình về đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế; hồ sơ trình về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP;

+ Soạn thảo mới dự thảo thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP (sản phẩm là thỏa thuận quốc tế cuối cùng được ký);

+ Xây dựng Báo cáo về tình hình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế (theo chuyên đề hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền) quy định tại điểm c khoản 5 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP;

+ Việc chi soạn thảo các bộ hồ sơ, văn bản, báo cáo quy định tại khoản này tính cho sản phẩm cuối cùng được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).

Các mức chi không được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 43/2022/TT-BTC ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

1.8. Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 12/07/2024 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường cho các cấp ngân sách tỉnh thuộc tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 22/7/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường cho các cấp ngân sách tỉnh thuộc tỉnh Đắk Lắk, gồm:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 1 (Phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường).

- Bổ sung vào Điều 4 nội dung như sau: “Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.”

1.9. Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 12/07/2024 của HĐND tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 22/7/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế (mà không phải là dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu) tại các cơ sở khám bệnh, chữa

bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk và áp giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với một số trường hợp, cụ thể:

1. Mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế (mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu) tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk cụ thể như sau:

a) Giá dịch vụ khám bệnh, kiểm tra sức khỏe quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này;

b) Giá dịch vụ ngày giường bệnh quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này;

c) Giá dịch vụ kỹ thuật, xét nghiệm quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với một số trường hợp: áp dụng mức giá theo hạng bệnh viện quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III đính kèm Nghị quyết này theo nguyên tắc sau:

a) Các bệnh viện có giường bệnh, trung tâm y tế tuyến tỉnh có chức năng khám bệnh, chữa bệnh; trung tâm y tế huyện thực hiện cả hai chức năng phòng bệnh và khám bệnh, chữa bệnh đã được xếp hạng: áp dụng mức giá của bệnh viện hạng tương đương.

b) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chưa được phân hạng: áp dụng mức giá của bệnh viện hạng IV.

c) Trạm y tế xã, phường, thị trấn:

Mức giá khám bệnh: áp dụng mức giá của trạm y tế xã. Mức giá các dịch vụ kỹ thuật bằng 70% mức giá của các dịch vụ tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Đối với các trạm y tế được Sở Y tế quyết định có giường lưu: áp dụng mức giá bằng 50% mức giá ngày giường nội khoa loại 3 của bệnh viện hạng IV.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức giá cụ thể đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

1.10. Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn và huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 18/11/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn và huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Việc lồng ghép nguồn vốn để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk phải đảm bảo theo các nguyên tắc quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.”.

- Bổ sung khoản 5 vào Điều 3 như sau:

“5. Nguồn vốn các chương trình, dự án khác không thuộc chương trình mục tiêu quốc gia nhưng có cùng mục tiêu, đối tượng thụ hưởng, nội dung hoạt động và được thực hiện trên cùng một địa bàn cấp huyện, cấp xã để phát huy hiệu quả của các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Vốn lồng ghép từ chương trình, dự án khác để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia không thuộc vốn đối ứng từ ngân sách địa phương để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định”.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

Thực hiện theo quy định tại khoản 11, khoản 12, khoản 13, khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 38/2023/NĐ-CP; ưu tiên lồng ghép nguồn vốn đối với các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; các dự án, mô hình thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo, xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.”.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Cơ chế huy động nguồn vốn tín dụng

Cơ chế huy động nguồn vốn tín dụng thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.”.

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 14 như sau:

“a) Đối với các dự án áp dụng theo cơ chế đầu tư đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng quy trình triển khai thực hiện theo quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP và các quy định hiện hành có liên quan.”.

1.11. Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND tỉnh về việc quy định hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho một số nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 18/11/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND tỉnh về việc quy định hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho một số nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 1 Điều 1 như sau:

+ Sửa đổi điểm a và điểm b như sau: “a) Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo chuẩn hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 và các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chuẩn hộ cận nghèo áp dụng cho từng giai đoạn.

b) Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP và các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chuẩn hộ có mức sống trung bình áp dụng cho từng giai đoạn”.

+ Bổ sung điểm c1 vào sau điểm c như sau: “c1) Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ”.

- Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2 Điều 1 như sau:

+ Sửa đổi điểm a và điểm b như sau: “a) Hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo chuẩn hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP và các văn bản khác của

cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chuẩn hộ cận nghèo áp dụng cho từng giai đoạn.

b) Hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP và các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chuẩn hộ có mức sống trung bình áp dụng cho từng giai đoạn”.

+ Bổ sung điểm d vào sau điểm c như sau: “d) Hỗ trợ 15% mức đóng bảo hiểm y tế cho người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ”.

1.12. Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng, tiếp nhận vào công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; xét chuyển ngạch thanh tra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 18/11/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng, tiếp nhận vào công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; xét chuyển ngạch thanh tra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, gồm 06 điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

Điều 3. Nội dung, mức chi

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Điều 6. Hiệu lực thi hành

- Trong đó, nội dung chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; tiếp nhận vào công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, xét chuyển ngạch thanh tra bao gồm:

+ Chi bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng Công an và người lao động tham gia tổ chức kỳ tuyển dụng công chức, viên chức; tiếp nhận vào công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; xét chuyển ngạch thanh tra.

+ Chi thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác chuẩn bị, tổ chức các kỳ tuyển dụng công chức, viên chức; tiếp nhận vào công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; xét chuyển ngạch thanh tra.

+ Chi thuê đơn vị cung ứng dịch vụ phối hợp thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; tiếp nhận vào công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; xét chuyển ngạch thanh tra.

- Mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; tiếp nhận vào công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, xét chuyển ngạch thanh tra quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

1.13. Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2012-2030 giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 18/11/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2012-2030 giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

“Điều 4. Tỷ lệ % phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh và tiêu chí xác định số điểm dự án, tiểu dự án, nội dung của các huyện

1. Dự án 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Dự án 2. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Dự án 3. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thực hiện theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Tiểu Dự án 1 thuộc Dự án 4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Dự án 5. Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

6. Dự án 6. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

7. Dự án 7. Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

8. Dự án 8. Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

9. Dự án 9. Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 9 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

10. Dự án 10. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

11. Căn cứ để xác định một số tiêu chí của các dự án, tiểu dự án, nội dung thuộc Chương trình: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 11 ban hành kèm theo Nghị quyết này.”

1.14. Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ thêm đối với cán bộ, công chức cấp xã; viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 16/12/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ thêm đối với cán bộ, công chức cấp xã, viên chức, người lao động, người hoạt động không

chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

Ngoài các chế độ, chính sách theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế, các đối tượng sau còn được hỗ trợ một lần bằng 50% tổng kinh phí được hưởng theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP:

+ Cán bộ, công chức cấp xã, viên chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã nghỉ công tác trong thời gian 05 năm kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Đắk Lắk có hiệu lực thi hành.

+ Người lao động, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã nghỉ công tác trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Đắk Lắk có hiệu lực thi hành.

1.15. Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh ban hành quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 16/12/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này ban hành Quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, gồm 11 điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và nguyên tắc áp dụng

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chương trình

Điều 4. Mức hỗ trợ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

Điều 5. Mức hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất

Điều 6. Mức hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

Điều 7. Mức hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn

Điều 8. Mức hỗ trợ xây dựng và triển khai thí điểm một số mô hình thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

Điều 9. Mức hỗ trợ tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp theo quy định tại Hướng dẫn số 466-HD/HNDTW ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Hội nông dân Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung thành phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025

Điều 10. Mức hỗ trợ xây dựng các mô hình điểm và nhân rộng các mô hình sẵn có nhằm vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”

Điều 11. Mức hỗ trợ thí điểm và nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng.

1.16. Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 16/12/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, gồm:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 2 Điều 4;
- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6;
- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 6;
- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 và bổ sung khoản 5 Điều 9;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 11.

1.17. Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh về việc kéo dài thời gian áp dụng bảng giá các loại đất tại Nghị quyết số 01/2020/Q-HĐND ngày 22/5/2020 và Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 16/12/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này quy định kéo dài thời hạn áp dụng bảng giá các loại đất tại Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND và Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung giá đất tại Bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh giai đoạn 2020 - 2024 tại Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 22/5/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh đến hết ngày 31/12/2025.

1.18. Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh ban hành quy định thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 16/12/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này ban hành Quy định thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk gồm 24 điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Kê khai, nộp phí, lệ phí, quản lý và sử dụng phí

Điều 4. Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống

Điều 5. Phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố

Điều 6. Phí thăm quan danh lam thắng cảnh; di tích lịch sử; công trình văn hóa, bảo tàng

Điều 7. Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp

Điều 8. Phí thư viện

Điều 9. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Điều 10. Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Điều 11. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Điều 12. Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt

Điều 13. Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất

Điều 14. Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường

Điều 15. Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai

Điều 16. Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

Điều 17. Phí đăng ký giao dịch bảo đảm

Điều 18. Mức thu phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến

Điều 19. Lệ phí hộ tịch

Điều 20. Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam

Điều 21. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất

Điều 22. Lệ phí cấp giấy phép xây dựng

Điều 23. Lệ phí đăng ký kinh doanh

Điều 24. Mức thu lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về mức thu các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

1.19. Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 16/12/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai số 31/2024/QH14, gồm:

- Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị có công năng phục vụ hỗn hợp, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với nhà ở theo quy định của pháp luật về xây dựng để xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang đô thị (gọi tắt là “dự án khu đô thị”);

- Dự án khu dân cư nông thôn.

Dự án đầu tư có sử dụng đất được quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư khi đảm bảo các tiêu chí sau:

- Phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với dự án khu đô thị: phù hợp quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 hoặc quy hoạch chi tiết đối với địa bàn thành phố, thị xã; có quy hoạch chung đô thị đối với các huyện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với dự án khu dân cư nông thôn: phù hợp quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch chi tiết xây dựng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Phù hợp chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; chương trình, kế hoạch phát triển đô thị được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Quy mô dự án:

+ Dự án khu đô thị: Có quy mô diện tích sử dụng đất từ một đơn vị ở trở lên theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt hoặc có quy mô sử dụng đất từ 20 ha trở lên đối với trường hợp quy hoạch xây dựng không xác định rõ các đơn vị ở;

+ Dự án khu dân cư nông thôn: Có quy mô diện tích sử dụng đất từ 10 ha trở lên.

1.20. Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh về việc đặt tên đường trên địa bàn thị trấn Pong Drang huyện Krông Búk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 16/12/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này đặt tên 102 tuyến đường trên địa bàn thị trấn Pong Drang, huyện Krông Búk.

21. Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao trong nước và quốc tế.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 16/12/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao trong nước và quốc tế gồm:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 1, Điều 1;
- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 2;
- Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b, khoản 1, Điều 3.

22. Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 06/12/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15, cụ thể:

- Về hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng: Thôn, buôn đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng được Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí đất sinh hoạt cộng đồng không quá 1.500m²/cộng đồng.

- Về hỗ trợ đất ở:

+ Cá nhân không có đất ở thì được giao đất ở hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với đất có nguồn gốc được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận hoặc thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật sang đất ở trong hạn mức giao đất ở được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở.

+ Cá nhân đã được Nhà nước giao đất ở nhưng nay không còn đất ở hoặc thiếu đất ở so với hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được hỗ trợ đất ở theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai và điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Về hỗ trợ đất nông nghiệp:

+ Cá nhân không có đất nông nghiệp thì được giao đất nông nghiệp trong hạn mức được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và không thu tiền sử dụng đất.

+ Cá nhân đã được Nhà nước giao đất nông nghiệp nhưng nay không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% diện tích đất so với hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được hỗ trợ đất nông nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai và điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP và không thu tiền sử dụng đất.

- Về hỗ trợ thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh: Trường hợp địa phương không có quỹ đất nông nghiệp mà cá nhân có nhu cầu và thuộc đối tượng không có đất nông nghiệp, không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% diện tích đất so với hạn mức giao đất nông nghiệp thì được cho thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật đất đai, như sau:

+ Miễn tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê khi hỗ trợ lần đầu theo khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai.

+ Giảm 50% tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê đối với đối tượng thuộc khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai.

23. Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh ban hành Quy định về thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 16/12/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này ban hành Quy định về thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk gồm 16 điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

Điều 6. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

Điều 8. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

Điều 9. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

Điều 10. Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc

Điều 11. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

Điều 12. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

Điều 13. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

Điều 15. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng

Điều 16. Xử lý chuyên tiếp

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

24. Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh thông qua cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk từ năm học 2025-2026.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 16/12/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này thông qua cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (trừ các cơ sở giáo dục mầm non, Tiểu học trên địa bàn tỉnh và các cơ sở giáo dục công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư).

Theo đó, mức thu dịch vụ tuyển sinh do cơ sở giáo dục tuyển sinh xác định dựa trên chi phí phục vụ tuyển sinh, đảm bảo nguyên tắc tính đúng, tính đủ, thu đủ chi, đúng quy chế tuyển sinh và các quy định của nhà nước về quản lý tài chính, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội, thu nhập của người dân trên địa bàn. Các khoản chi do nguồn kinh phí ngân sách đã đảm bảo, không được tính vào chi phí khi xây dựng dự toán chi phí phục vụ tuyển sinh.

Cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh như sau:

+ Đối với công tác tuyển sinh theo phương thức thi tuyển: Mức thu dịch vụ tuyển sinh được xác định trên cơ sở dự toán thu, chi do đơn vị thực hiện nhiệm vụ tuyển sinh lập, đảm bảo đủ chi phí thực hiện các nội dung phục vụ công tác tuyển sinh theo quy định của pháp luật.

+ Đối với công tác tuyển sinh theo phương thức xét tuyển: Mức thu dịch vụ tuyển sinh đảm bảo đủ chi phí in ấn, chi phí cho Hội đồng tiếp nhận, kiểm tra, xét duyệt hồ sơ.

25. Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND tỉnh

quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 16/12/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

26. Nghị quyết số 32/2024/NQ-HĐND ngày 31/12/2024 của HĐND tỉnh quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk quản lý.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này Quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk quản lý, bao gồm:

- Giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán.

- Giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán.

- Giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu.

Đối với người bệnh đang điều trị tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc tỉnh Đắk Lắk quản lý trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực và ra viện hoặc kết thúc đợt điều trị ngoại trú sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực: Tiếp tục áp dụng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của cấp có thẩm quyền trước thời điểm thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Nghị quyết này cho đến khi ra viện hoặc kết thúc đợt điều trị ngoại trú.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

27. Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 31/12/2024 của HĐND tỉnh quy định mức chi cho tổ chức dịch vụ thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 13/01/2025.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này quy định mức chi cho tổ chức dịch vụ thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

Mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội tại xã, phường, thị trấn của các huyện, thị xã, thành phố, cụ thể như sau:

- Mức chi phí chi trả đối với phương thức điện tử (bao gồm chi trả qua tài khoản ngân hàng, tài khoản thanh toán điện tử): Mức 1,0% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội.

- Mức chi phí chi trả đối với phương thức chi trả trực tiếp bằng tiền mặt: Mức 1,7% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội tại địa bàn các phường/thị trấn và 1,9% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội tại địa bàn các xã.

Nghị quyết này bãi bỏ khoản 2 Điều 2 Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phương thức chi trả và mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành

2.1. Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 24/6/2024 của UBND tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 08/7/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; ký hiệu QCDP 1:2024/ĐL. Theo đó:

- Quy chuẩn này được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện một phần hoặc tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, truyền dẫn, bán buôn, bán lẻ nước sạch (sau đây gọi tắt là đơn vị cấp nước); các cơ quan quản lý nhà nước về thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch; các phòng thử nghiệm và tổ chức chứng nhận các thông số chất lượng nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đơn vị cung cấp nước sạch từ các tỉnh, thành lân cận (không được thành lập, không có trụ sở hoạt động tại tỉnh hoặc nguồn nước khai thác đầu vào không nằm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk) có hoạt động cung cấp nước sạch cho tỉnh Đắk Lắk không áp dụng Quy chuẩn này mà áp dụng theo QCVN 01-1:2018/BYT hoặc quy chuẩn kỹ thuật địa phương của tỉnh, thành đó.

- Quy chuẩn này không áp dụng cho nước uống trực tiếp tại vòi, nước đóng bình, nước đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng bình, đóng chai, nước sản xuất ra từ các bình lọc nước, hệ thống lọc nước và các loại nước không dùng cho mục đích sinh hoạt.

2.2. Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 44/2023/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 08/8/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 44/2023/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, gồm:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 3;

- Bổ sung số thứ tự 4a vào số thứ tự VII (xã Cư Kbang) khoản 1 (Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại nông thôn) Mục VIII (huyện Ea Súp) Phụ lục II Ban hành kèm theo Quyết định số 44/2023/QĐ-UBND như sau: “Đường liên thôn từ ngã tư thôn 4A (bà Liên) đến ranh giới đất nhà ông Bảo, hệ số 1,2”.

- Sửa đổi, bổ sung một số vị trí, đoạn đường, tuyến đường, khu vực tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 44/2023/QĐ-UBND.

Bên cạnh đó, Quyết định này bãi bỏ các nội dung sau:

- Số thứ tự 6, mục số thứ tự V (xã Ea Bung) khoản 1 (Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại nông thôn) Mục VIII (huyện Ea Súp) Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 44/2023/QĐ-UBND như sau: “Đường liên thôn từ ngã tư thôn 4A (bà Liên) đến ranh giới đất nhà ông Bảo, hệ số 1,0”.

- Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2.3. Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 09/8/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

- Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk: 2.199 Tổ, tương đương 2.199 thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

- Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự đối với từng đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh bố trí theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này. Việc bố trí thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được thực hiện theo lộ trình và không vượt quá tổng số thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự của đơn vị hành chính cấp xã.

2.4. Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của UBND tỉnh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 28/8/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk.

Theo đó: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (sau đây gọi tắt là Chi cục) là tổ chức hành chính trực thuộc Sở NN&PTNT, giúp Giám đốc Sở NN&PTNT tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về trồng trọt, bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật nội địa theo quy định của pháp luật chuyên ngành và thuộc phạm vi lĩnh vực được giao trên địa bàn tỉnh.

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở NN&PTNT; đồng thời, chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Trồng trọt và Cục Bảo vệ thực vật trực thuộc Bộ NN&PTNT theo quy định của pháp luật.

Quyết định này bãi bỏ Điều 1, Điều 2 Quyết định số 292/QĐ-SNN ngày 02/02/2016 của Giám đốc Sở NN&PTNT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

2.5. Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 27/8/2024 của UBND tỉnh quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã và ngành đào tạo của công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 06/9/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã và ngành đào tạo của công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, gồm 07 điều:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng;
- Điều 2. Tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ cán bộ cấp xã;
- Điều 3. Tiêu chuẩn cụ thể của từng chức danh công chức cấp xã;
- Điều 4. Ngành đào tạo theo yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã;
- Điều 5. Quy định chuyên tiếp;
- Điều 6. Tổ chức thực hiện;
- Điều 7. Điều khoản thi hành.

Quyết định này thay thế Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức làm việc tại các xã miền núi, vùng cao, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2.6. Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 16/9/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này ban hành Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk với 25 điều.

Theo đó: Quy định này quy định việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk sử dụng ngân sách nhà nước dưới các hình thức đề tài khoa học và công nghệ, đề án khoa học, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ thuộc các chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trên địa bàn tỉnh.

Quyết định này thay thế Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2.7. Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Thanh tra tỉnh.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 09/9/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Thanh tra tỉnh. Theo đó, Thanh tra tỉnh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của UBND tỉnh; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật. Thanh tra tỉnh có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch UBND tỉnh và chịu sự chỉ đạo về công tác thanh tra, hướng dẫn nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 28/ 01/ 2015 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh.

2.8. Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 23/9/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh như sau:

“2. Các biện pháp đối với chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành kết quả đánh giá nghiệm thu ở mức không đạt: Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền tùy theo nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan dẫn đến việc các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành để ra quyết định xử lý theo các biện pháp cụ thể như sau:

a) Trường hợp vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý về tài chính đối với kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ (có kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền) hoặc phát hiện hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực kết quả đánh giá mức “Đạt” sẽ bị hủy bỏ và xử lý theo mức “Không đạt” và không được làm chủ nhiệm các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trong thời hạn 2 năm kể từ khi có quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

b) Trường hợp không thực hiện việc đăng ký, lưu giữ kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ sẽ không được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh cho đến khi hoàn thành các thủ tục này theo quy định.

c) Nộp hoàn trả ngân sách nhà nước toàn bộ kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp nhưng chưa sử dụng.

d) Đối với phần kinh phí ngân sách nhà nước của nhiệm vụ đã sử dụng, được xử lý như sau:

- Trường hợp do nguyên nhân khách quan (thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn và các trường hợp khách quan khác do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ xem xét quyết định cụ thể): không phải hoàn trả kinh phí đã sử dụng.

- Trường hợp do nguyên nhân chủ quan:

Tổ chức chủ trì có trách nhiệm nộp hoàn trả ngân sách nhà nước tối thiểu 40% tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng đúng quy định (đối với nhiệm vụ thực hiện phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng), tối thiểu 30% tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng đúng quy định (đối với nhiệm vụ thực hiện phương thức khoán chi từng phần).

Căn cứ trên kết quả đánh giá, nghiệm thu thực tế, mức thu hồi cụ thể do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ xem xét, quyết định.

- Trường hợp do nguyên nhân chủ quan và không chứng minh được kinh phí đã sử dụng đúng quy định: nộp trả 100% kinh phí đã sử dụng.”

2.9. Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 07/10/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk. Theo đó, Chi cục Phát triển nông thôn là tổ chức hành chính trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk, có chức năng tham mưu giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chức năng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế trang trại liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; cơ điện nông nghiệp, bảo hiểm nông nghiệp, phát triển nông thôn, phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn, bố trí dân cư, hỗ trợ giảm nghèo và an sinh xã hội nông

thôn, đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo quy định của pháp luật.

Chi cục Phát triển nông thôn chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đồng thời, chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 290/QĐ-SNN ngày 02/02/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Phát triển nông thôn.

2.10. Quyết định số 35/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/10/2024.

b) Nội dung chủ yếu: Quyết định này ban hành Quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk với 21 điều. Theo đó, Quy định này quy định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành (sau đây viết tắt là TCPHLN) thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk.

Các nội dung có liên quan đến việc thành lập, tổ chức và hoạt động của TCPHLN thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh không đề cập trong Quy định này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

TCPHLN được thành lập trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì giữ nguyên và hoạt động bình thường.

2.11. Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 18/10/2024.

b) Nội dung chủ yếu: Quyết định này ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk với 26 điều. Theo đó, Quy định này quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh được quy định tại khoản 2 Điều 104, khoản 4 Điều 103, điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 109, khoản 7 và khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai năm 2024; khoản 3 Điều 4, khoản 7 Điều 12, khoản 9 Điều 13, khoản 1 Điều

14, khoản 2 Điều 15, Điều 16, điểm b khoản 2 Điều 17, điểm c khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 19, khoản 5 và khoản 6 Điều 20, Điều 21, khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 23, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Những nội dung liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.12. Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định về trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 24/10/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này ban hành Quy định về trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh với 18 điều.

Theo đó, Quy định này quy định trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh. Nội dung khác không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2.13. Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan có chức năng quản lý Nhà nước trong công tác quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự hoạt động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 24/10/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan có chức năng quản lý Nhà nước trong công tác quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự hoạt động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk với 20 điều. Theo đó, Quy chế này quy định về mục đích, nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan có chức năng quản lý Nhà nước trong công tác quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự hoạt động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Quyết định này thay thế Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2.14. Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 16/10/2024 của UBND tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, buôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 28/10/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này quy định chi tiết tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, buôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk gồm 10 điều:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh;
- Điều 2. Đối tượng áp dụng;
- Điều 3. Nguyên tắc xét tặng;
- Điều 4. Thời gian, thẩm quyền xét tặng và công bố kết quả xét tặng các danh hiệu;
- Điều 5. Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng các danh hiệu;
- Điều 6. Cách thức đánh giá, bình xét;
- Điều 7. Hồ sơ đề nghị trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” và “Thôn, buôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;
- Điều 8. Khen thưởng và kinh phí;
- Điều 9. Trách nhiệm thi hành;
- Điều 10. Hiệu lực thi hành.

Các nội dung có liên quan đến việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” không quy định tại Quyết định này, được thực hiện theo Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2.15. Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 17/10/2024 của UBND tỉnh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 28/10/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn tỉnh Đắk Lắk. Theo đó, Chi cục Chăn nuôi và Thú y (sau đây gọi là Chi cục) là tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chức năng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và tổ chức thực thi pháp luật về chăn nuôi và thú y trên địa bàn tỉnh; thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực chăn nuôi, thú y và các lĩnh vực khác có liên quan theo quy định của pháp luật và sự phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chi cục chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ theo ngành dọc của Cục Chăn nuôi, Cục Thú y trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

Quyết định này bãi bỏ Điều 1, Điều 2 Quyết định số 289/QĐ-SNN ngày 02/7/2016 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

2.16. Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định hạn mức một số loại đất; giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này ban hành Quy định hạn mức một số loại đất; giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15/10/1993; điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk với 16 điều. Theo đó, Quy định này quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành điểm n khoản 1 Điều 137, khoản 4 Điều 139, khoản 5 Điều 141, khoản 5 Điều 176, khoản 3 Điều 177, khoản 2 Điều 195, khoản 2 Điều 196, khoản 4 Điều 220 của Luật Đất đai năm 2024. Quy định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 47 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Quyết định này thay thế Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định hạn mức một số loại đất; kích thước, diện tích đất tối thiểu được phép tách thửa cho hộ gia đình, cá nhân; việc rà soát, công bố công khai các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định hạn mức một số loại đất; kích thước, diện tích đất tối thiểu được phép tách thửa, hợp thửa cho hộ gia đình, cá nhân; việc rà soát, công bố công khai các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý trên

địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2.17. Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 04/11/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 2 Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND;
- Sửa đổi giá tính thuế tài nguyên của một số khoáng sản không kim loại tại Phụ lục II, ban hành kèm theo Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND;
- Bổ sung giá tính thuế tài nguyên của sản phẩm từ rừng tự nhiên tại Phụ lục III, ban hành kèm theo Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND.

Bên cạnh đó, bãi bỏ mã, nhóm tài nguyên cấp 5: II2020305; tên gọi, loại tài nguyên/sản phẩm tài nguyên: Đá lô ca; đơn vị tính: m³; giá tính thuế tài nguyên: 160.000 đồng.

2.18. Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND tỉnh quy định điều kiện về đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi cá nhân xây dựng nhà ở từ 02 tầng trở lên và có quy mô dưới 20 căn hộ mà tại mỗi tầng có thiết kế, xây dựng căn hộ để cho thuê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này quy định điều kiện về đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi cá nhân xây dựng nhà ở từ 02 tầng trở lên và có quy mô dưới 20 căn hộ mà tại mỗi tầng có thiết kế, xây dựng căn hộ để cho thuê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

- Chiều rộng phần xe chạy của đường giao thông hiện trạng và quy hoạch tiếp giáp khu đất đề nghị cấp phép xây dựng không được nhỏ hơn 4 m và phải liên thông với các tuyến đường khác tại khu vực có chiều rộng phần xe chạy của đường không được nhỏ hơn 4 m hoặc phải có nơi quay đầu xe đối với đường cụt.

- Chiều rộng phần xe chạy của đường trong phạm vi khu đất đề nghị cấp phép xây dựng không được nhỏ hơn 3,5 m, không bị che chắn bởi các kết cấu chặn phía trên đường cho xe chữa cháy, đảm bảo chiều cao để các phương tiện chữa cháy đi qua không được thấp hơn 4,5 m.

- Đường cho xe chữa cháy phải được bảo đảm thông thoáng tại mọi thời điểm. Mặt đường phải bảo đảm chịu được tải trọng của xe chữa cháy theo yêu cầu thiết kế và phù hợp với chủng loại phương tiện của cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; trên các tuyến đường giao thông phải được bố trí hệ thống cấp nước chữa cháy, trụ cứu hỏa đảm bảo công suất và đầu nối thuận lợi phục vụ công tác chữa cháy theo quy định.

- Ngoài các quy định nêu trên, điều kiện đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi nơi cá nhân xây dựng nhà ở từ 02 tầng trở lên và có quy mô dưới 20 căn hộ mà tại mỗi tầng có thiết kế, xây dựng căn hộ để cho thuê thực hiện theo quy định tại Mục 6.2 của QCVN 06:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình được ban hành theo Thông tư số 06/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Mục 6 Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình được ban hành kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BXD ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Trường hợp các văn bản viện dẫn thực hiện tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Bên cạnh đó, trường hợp công trình đã nộp hồ sơ thẩm định thiết kế, hồ sơ cấp phép xây dựng trước ngày Quyết định này có hiệu lực mà cơ quan có thẩm quyền chưa thẩm định, chưa cấp phép thì thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

2.19. Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh quy định hạn mức giao đất tôn giáo cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05/11/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này quy định hạn mức giao đất tôn giáo cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 4 Điều 213 của Luật Đất đai ngày 18/01/2024. Theo đó, hạn mức giao đất tôn giáo được quy định như sau:

- Tại các phường, thị trấn: Không quá 3.000m².

- Tại các xã: Không quá 5.000m².

- Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có nhu cầu giao đất tôn giáo lớn hơn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì căn cứ quỹ đất của địa

phương, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu được phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định diện tích đất giao cho từng trường hợp cụ thể.

Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc đã được Nhà nước có thẩm quyền giao đất cơ sở tôn giáo trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng đất theo diện tích đất cơ sở tôn giáo đã được Nhà nước giao đất; trường hợp đã có văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đồng ý chủ trương giao đất cơ sở tôn giáo trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa được giao đất thì được tiếp tục xem xét giao đất theo diện tích đã xác định tại văn bản chủ trương giao đất.

2.20. Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định có Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện các chính sách về bảo tồn voi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 11/11/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện các chính sách về bảo tồn Voi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 28/5/2014 của UBND tỉnh, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 6;

- Bổ sung Điều 8a vào sau Điều 8 của Quy định về trình tự thủ tục thực hiện các chính sách về bảo tồn voi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND;

Bên cạnh đó, Quyết định này sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện các chính sách về bảo tồn voi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng và nội dung chi hỗ trợ tại khoản 3 Điều 1;

- Sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng và nội dung chi hỗ trợ; trình tự thực hiện tại khoản 4 Điều 1;

- Sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng và nội dung chi hỗ trợ; trình tự thực hiện tại khoản 5 Điều 1.

2.21. Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 11/11/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk với 27 điều.

Theo đó, Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Các nội dung khác có liên quan đến việc phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2.22. Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh quy định diện tích đất nông nghiệp sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 11/11/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này quy định diện tích đất nông nghiệp (trừ đất trồng lúa) sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo khoản 3 Điều 178 Luật Đất đai năm 2024.

Theo đó, điều kiện sử dụng đất nông nghiệp để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp như sau:

- Thừa đất hoặc khu đất đã được cấp một trong các loại giấy chứng nhận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 137 Luật Đất đai năm 2024 và còn thời hạn sử dụng đất.

- Khu đất nông nghiệp đang sử dụng bao gồm một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề của cùng người sử dụng đất, có diện tích từ 500m² trở lên.

- Không thuộc đất xây dựng các công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn quy định tại khoản 1 Điều 210 Luật Đất đai năm 2024.

Bên cạnh đó, quy mô công trình và diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định như sau:

- Quy mô công trình: Công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, gồm: nhà nghỉ, lán, trại để phục vụ cho người lao động, công trình phục vụ sơ chế, bảo quản nông sản, chứa thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc,

dụng cụ lao động, trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp; có quy mô là công trình cấp IV, 01 tầng (không xây dựng tầng hầm, tầng bán hầm), dễ dàng tháo dỡ.

- Diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình:

+ Khu đất có diện tích từ 500m² đến dưới 3.000m² được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 30m².

+ Khu đất có diện tích từ 3.000m² đến dưới 5.000m² được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 50m².

+ Khu đất có diện tích từ 5.000m² đến dưới 10.000m² được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 75m².

+ Khu đất có diện tích từ 10.000m² trở lên được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 100m².

- Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp được phép xây dựng tại nhiều vị trí trong khu đất nhưng tổng diện tích đất xây dựng công trình không vượt quá diện tích quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này.

2.23. Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của UBND tỉnh bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 17/11/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

1. Quyết định số 23/2012/QĐ-UBND ngày 09/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 13/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định lộ trình chấm dứt hoạt động sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công, thủ công cải tiến, lò đứng liên tục, lò vòng sử dụng nhiên liệu hóa thạch (than, dầu, khí), lò vòng, lò vòng cải tiến không sử dụng nhiên liệu hóa thạch mà sử dụng phế liệu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 28/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định Danh mục thành phần hồ sơ, tài liệu thuộc nguồn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh Đắk Lắk.

4. Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Thanh tra tỉnh; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra sở; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

6. Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng biên giới tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

7. Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc quy định hỗ trợ người có công với cách mạng được giao đất làm nhà ở; được miễn giảm tiền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

8. Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành khung giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

9. Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 04/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 về việc quy định hiện vật và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng huy hiệu “Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Đắk Lắk”.

10. Chỉ thị số 09/2014/CT-UBND ngày 15/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, Quyết định này bãi bỏ một phần các quyết định sau:

- Bãi bỏ Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, gạch đầu dòng thứ nhất, thứ hai Điều 6, gạch đầu dòng thứ hai Điều 7, gạch đầu dòng thứ nhất, thứ hai, thứ tư Điều 8, Điều 9 của Quy định hiện vật và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng Huy hiệu "Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Đắk Lắk" ban hành kèm theo Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Văn bản hết hiệu lực toàn bộ sau bãi bỏ.

- Bãi bỏ Điều 4 Quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 18/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Bãi bỏ nội dung còn hiệu lực tại Điều 2 Quyết định số 35/2017/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh chi phí nhân công, chi phí máy thi công trong một số Bộ đơn giá xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (phần nội dung điều chỉnh chi phí nhân công trong các Bộ đơn giá xây dựng công trình: Phần thí nghiệm vật liệu, cấu kiện và kết cấu xây dựng; Phần thí nghiệm điện đường dây và Trạm biến áp tại các Quyết định: số 57/2015/QĐ-UBND và số 58/2015/QĐ-

UBND ngày 17/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh). Văn bản hết hiệu lực toàn bộ sau bãi bỏ.

- Bãi bỏ điểm e khoản 3, khoản 8 Điều 6; điểm d khoản 2 Điều 7; điểm d, điểm g khoản 1, điểm e khoản 2 Điều 8; điểm b khoản 2 Điều 9; điểm e khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 10; nội dung “*hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ*” tại tiêu đề khoản 2 Điều 7 và tiêu đề khoản 2 Điều 8 của Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.24. Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của UBND tỉnh quy định tiêu chí đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại phải thực hiện để xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này quy định chi tiết khoản 3 Điều 83 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 về tiêu chí đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại mà chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại phải dành một phần diện tích đất ở trong dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội hoặc bố trí quỹ đất nhà ở xã hội đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ở vị trí khác ngoài phạm vi dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại đô thị đó hoặc đóng tiền tương đương giá trị quỹ đất đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội.

Theo đó, tiêu chí đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại phải thực hiện để xây dựng nhà ở xã hội được quy định như sau:

- Các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại các phường, thị trấn thuộc đô thị loại IV, chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở thương mại phải dành tối thiểu 20% tổng diện tích đất ở trong các đồ án quy hoạch chi tiết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội.

- Đối với trường hợp các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại không bố trí được quỹ đất theo quy định tại khoản 1 Điều này thì chủ đầu tư dự án đề xuất, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận bố trí 1 trong 2 phương án thay thế như sau:

- Chủ đầu tư dự án bố trí quỹ đất nhà ở xã hội đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ở vị trí khác ngoài phạm vi dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại; đảm bảo phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và trong cùng đô thị nơi có dự án.

- Chủ đầu tư đóng tiền tương đương giá trị quỹ đất đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội.

- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại phải dành một phần diện tích đất ở trong dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

Những nội dung không quy định trong Quyết định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2.25. Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của UBND tỉnh phê duyệt mức chi hỗ trợ công tác phòng, chống số đề, làm vé số giả của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xổ số kiến thiết Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 23/11/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này phê duyệt mức chi hỗ trợ công tác phòng, chống số đề, làm vé số giả của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xổ số kiến thiết Đắk Lắk. Theo đó, đối với vụ án đã có bản án của Tòa án, mức chi hỗ trợ căn cứ vào kết quả bản án như sau:

STT	Kết quả bản án của Tòa án	Mức hỗ trợ
<i>I</i>	<i>Phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền</i>	<i>2.000.000 đồng/01 vụ án</i>
<i>II</i>	<i>Phạt tù giam (kể cả trường hợp cho hưởng án treo)</i>	
1	Từ 09 tháng trở xuống	6.000.000 đồng/01 vụ án
2	Trên 09 tháng đến 18 tháng	8.000.000 đồng/01 vụ án
3	Trên 18 tháng đến 36 tháng	10.000.000 đồng/01 vụ án
4	Trên 03 năm đến 05 năm	12.000.000 đồng/01 vụ án
5	Trên 05 năm đến 07 năm	15.000.000 đồng/01 vụ án
6	Trên 07 năm đến 10 năm	18.000.000 đồng/01 vụ án
7	Trên 10 năm	20.000.000 đồng/01 vụ án

Trường hợp bản án có nhiều người phạm tội với mức hình phạt khác nhau, mức chi hỗ trợ được xác định theo mức hình phạt cao nhất tại bản án.

- Đối với các vụ việc đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính và biên lai nộp tiền phạt của người vi phạm, mức chi hỗ trợ tối đa bằng 50% số tiền xử phạt vi phạm hành chính nhưng không vượt quá 3.000.000 đồng/vụ việc (ba triệu đồng/vụ việc);

- Tổng mức chi cho công tác phòng, chống số đề, làm vé số giả trong năm tài chính tùy thuộc vào tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xô số kiến thiết Đắc Lắc và không vượt quá 1% doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được phép kinh doanh bao gồm cả thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 2641/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắc Lắc về việc phê duyệt nội dung chi và mức chi hỗ trợ công tác phòng, chống số đề, làm giả vé số.

2.26. Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 của UBND tỉnh ban hành khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 27/11/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này Quy định khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc để áp dụng cho các trường hợp sau:

- Thu kinh phí quản lý vận hành nhà chung cư thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc.

- Làm cơ sở để các bên tham khảo khi thỏa thuận giá dịch vụ quản lý vận hành đối với nhà ở không thuộc tài sản công hoặc trong trường hợp có tranh chấp về giá dịch vụ giữa đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư với chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư; trường hợp không thỏa thuận được giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư thì áp dụng mức giá trong khung giá dịch vụ theo Quyết định này.

Theo Quyết định này, khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà ở chung cư quy định như sau:

Đơn vị tính: Đồng/m² kích thước thông thủy/tháng

STT	Hạng nhà chung cư	Mức giá tối thiểu	Mức giá tối đa
1	Nhà Chung cư hạng 1	4.000	10.000
2	Nhà Chung cư hạng 2	3.000	8.000
3	Nhà Chung cư hạng 3	2.000	6.000

- Khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư không bao gồm kinh phí mua bảo hiểm cháy, nổ, kinh phí bảo trì, chi phí trông giữ xe, chi phí sử dụng nhiên liệu, năng lượng, nước sinh hoạt, dịch vụ truyền hình, thông tin liên lạc,

thù lao cho Ban quản trị nhà chung cư và chi phí dịch vụ khác phục vụ cho việc sử dụng riêng của chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư và chưa bao gồm thuế suất GTGT (nếu có).

- Nội dung các chi phí cấu thành giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư và phương pháp xác định giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư được thực hiện theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

- Trường hợp giữa bên cung cấp và bên sử dụng dịch vụ đã có thỏa thuận về các điều kiện liên quan đến giá dịch vụ nhà chung cư thì thực hiện theo thỏa thuận đó. Trường hợp các loại dịch vụ chưa có trong khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư tại quyết định này thì người sử dụng dịch vụ và doanh nghiệp, tổ chức vận hành, cung cấp dịch vụ có trách nhiệm thỏa thuận với nhau theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Khi có sự thay đổi về các quy định của pháp luật, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương dẫn đến làm tăng hoặc giảm từ 10% trở lên chi phí dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư so với khung giá tại Quyết định này thì Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành khung giá dịch vụ quản lý vận hành mới trên cơ sở đề xuất của Sở Xây dựng để áp dụng trên địa bàn cho phù hợp.

2.27. Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của UBND tỉnh quy định việc phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận và cơ quan quản lý nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 28/11/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này quy định nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm trong việc phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và cơ quan quản lý nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2.28. Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND ngày 27/11/2024 của UBND tỉnh quy định khung giá cho thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/12/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này quy định chi tiết Điều 99 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 về khung giá cho thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Theo đó, khung giá cho thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp quy định như sau:

Stt	Loại Nhà ở	Giá cho thuê tối thiểu	Giá cho thuê tối đa
		(đồng/m ² sàn/tháng)	
1	Chung cư: số tầng ≤ 5 không có tầng hầm	22.000	47.500
2	Chung cư: 5 < số tầng ≤ 7 không có tầng hầm	28.000	61.500
3	Chung cư: 7 < số tầng ≤ 10 không có tầng hầm	29.000	63.000

Khung giá trên chưa bao gồm các chi phí: kinh phí mua bảo hiểm cháy, nổ, chi phí trông giữ xe, chi phí sử dụng nhiên liệu, năng lượng, nước sinh hoạt, dịch vụ truyền hình, thông tin liên lạc và chi phí dịch vụ khác phục vụ cho việc sử dụng riêng của người sử dụng nhà.

Khung giá này làm cơ sở cho các chủ thể (bên cho thuê nhà lưu trú, bên thuê nhà lưu trú) tham khảo vận dụng, thỏa thuận giá thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2.29. Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND ngày 03/12/2024 của UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 16/12/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk với 25 điều. Theo đó, Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, phương thức và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quản lý Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tiếp nhận, giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Các nội dung khác có liên quan đến phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh không được quy định tại Quy chế này, được thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2.30. Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của UBND tỉnh quy định số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung; tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25/12/2024.

b) Nội dung chủ yếu: Quyết định này quy định:

- Số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc phân tích mẫu môi trường thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.

- Số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.

- Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.

Đối với các trường hợp xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng đã được trang bị trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì phải thực hiện sắp xếp lại để tiếp tục sử dụng phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, theo số lượng và tiêu chuẩn, định mức phù hợp với quy định tại Quyết định này; số xe ô tô dôi dư (nếu có) báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để xử lý theo các hình thức quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị định số 114/2024/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Quyết định này thay thế Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

2.31. Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh quy định Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 26/12/2024.

b) Nội dung chủ yếu: Quyết định này quy định Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

Các nội dung khác có liên quan đến chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn

chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Quyết định này thay thế Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

2.32. Quyết định số 57/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh về việc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30/12/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

- Thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) của cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo):

+ Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (bao gồm các cơ quan, đơn vị cấp xã), trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

+ Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư), ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của đơn vị.

- Thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) thuộc lĩnh vực y tế:

+ Sở Y tế ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ sở y tế thuộc phạm vi quản lý, trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

- Thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo:

+ Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo thuộc phạm vi quản lý, trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

+ Các cơ sở đào tạo trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của đơn vị;

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc phạm vi quản lý, trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

Những nội dung liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế; Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo và các văn bản pháp luật có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn thực hiện tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2.33. Quyết định số 58/2024/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của ủy ban nhân dân tỉnh.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30/12/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

- Sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 4;
- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6;

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6;
- Sửa đổi Điều 7;
- Sửa đổi khoản 1 và khoản 3 Điều 8;
- Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 11;
- Sửa đổi điểm d khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 12.

2.34. Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND tỉnh về việc kéo dài thời hạn áp dụng các Quyết định về Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này kéo dài thời hạn áp dụng các Quyết định về Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 đến hết ngày 31/12/2025, cụ thể như sau:

- Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 ban hành Bảng giá và quy định Bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020-2024.

- Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 bãi bỏ một số nội dung của Quyết định và Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá và quy định Bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020 - 2024.

- Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 bổ sung giá đất ở vào Bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh.

- Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 bổ sung giá đất vào Bảng giá các loại đất; sửa đổi, bổ sung khoản 12 Điều 4 của Quy định Bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh.

- Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 sửa đổi, bổ sung giá đất tại Bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh.

2.35. Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND - 23/12/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05/01/2024.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này ban hành Quyết định này Định mức kinh tế - kỹ thuật về khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đối với 05 lĩnh vực, gồm:

- Định mức kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực trồng trọt.
- Định mức kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực lâm nghiệp.
- Định mức kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực chăn nuôi.
- Định mức kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực thủy sản.
- Định mức kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực đào tạo huấn luyện, thông tin tuyên truyền.

(cụ thể tại các Phụ lục I, II, III, IV, V kèm theo)

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này làm cơ sở lập dự toán, phê duyệt thuyết minh các dự án, chương trình, mô hình khuyến nông địa phương, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên sử dụng ngân sách nhà nước; áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyên gia tiến bộ kỹ thuật, công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2.36. Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật của các dự án khu dân cư, khu đô thị, dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 06/01/2025.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này ban hành Quyết định này quy định việc bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật của các dự án khu dân cư, khu đô thị, dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk với 12 điều. Theo đó, Quy định này quy định việc bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật của các dự án đầu tư xây dựng khu dân cư, khu đô thị, dự án đầu tư xây dựng nhà ở được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn không phải từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, gồm: công trình giao thông, thoát nước, xử lý nước thải, chiếu sáng công cộng, công viên, cây xanh sử dụng công cộng, hệ thống cấp nước và chữa cháy, cấp điện, công trình viễn thông (nếu có); quỹ đất để xây dựng công trình công cộng.

Các nội dung khác có liên quan đến bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật không được quy định tại quyết định này được thực hiện theo quy định

của các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo văn bản đó.

- Đối với các dự án đã triển khai theo quy hoạch chi tiết nhưng chưa thực hiện đúng về trình tự đầu tư xây dựng khu đô thị, khu dân cư theo quy định tại thời điểm triển khai dự án, thì phải được xem xét xử lý vi phạm theo quy định trước khi hoàn tất thủ tục đề nghị bàn giao, tiếp nhận các hạng mục hạ tầng kỹ thuật về cho đơn vị quản lý.

- Đối với những công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án đầu tư đã được phê duyệt trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành và đang trong giai đoạn thực hiện dự án chưa bàn giao thì việc thực hiện các bước tiếp theo của dự án phải tuân thủ Quy định này.

- Các dự án đang thực hiện với nhiều hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật, thì ngoài các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật đã bàn giao trước ngày Quy định này có hiệu lực, các hạng mục công trình còn lại chưa bàn giao thì phải thực hiện theo Quy định này.

2.37. Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma thuật” đối với sản phẩm cà phê Robusta.

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 03/01/2025.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này ban hành Quy chế quản lý chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuật” đối với sản phẩm cà phê Robusta với 27 điều. Theo đó, Quy chế này quy định về sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý; việc ghi nhận tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý; cơ chế kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng chỉ dẫn địa lý; quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý; quyền, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quản lý chỉ dẫn địa lý; kinh phí cho hoạt động quản lý chỉ dẫn địa lý; biện pháp xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm quy chế chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuật” đối với sản phẩm cà phê Robusta của tỉnh Đắk Lắk đã được Nhà nước bảo hộ.

Quyết định này thay thế Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuật” đối với sản phẩm cà phê Robusta.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong Quý III và IV năm 2024, Sở Tư pháp xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục PBGDPL, Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử PBGDPL tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, PBGDPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Đức Hà